

# VẤN NẠN TRÌ TRỆ GIẢI NGÂN ODA

Tô Văn Trường

*Của “chùa” ai quản, ai lo  
Càng cho cho lắm, càng lo lo nhiều  
Lợi thì lợi được bao nhiêu?  
Ờ sao! để nợ cho nhiều cháu con*

Chúng ta đều biết ODA (Official Development Assistance) là hỗ trợ phát triển chính thức do các nước phát triển đóng góp để hỗ trợ các nước nghèo, đang phát triển. ODA tác động lên kinh tế là rất đáng kể vì phần lớn nợ nước ngoài, nợ công đều có dính tới ODA. Ngoài lợi ích, việc sử dụng ODA cũng lãng phí vô kể. Nếu Chính phủ và các địa phương không chỉ rõ nguyên nhân và giải pháp thì tham nhũng còn cửa rất lớn ở đây và bài toán nợ công cũng rất nan giải.

Việt Nam đang bước sang quý 4 năm 2019 nhưng mới giải ngân vốn đầu tư công chỉ khoảng 38% so với kế hoạch mà Quốc hội giao, gây nên tác động rất xấu đến tăng trưởng kinh tế xã hội, và làm mất uy tín của quốc gia. Vấn nạn này đã diễn ra cả chục năm rồi, đặc biệt là 2019. Thực tiễn trên khiến Chính phủ cũng đứng ngồi không yên, yêu cầu phải xác định rõ các căn nguyên, những vướng mắc cản trở việc thực hiện và giải ngân các dự án, đưa ra được các giải pháp khắc phục và kế hoạch hành động hiệu quả để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

Trước hết, cần phân biệt cho rõ rệt có hai loại ODA.

## 1. Hai loại ODA

### 1.1. ODA cho không, hay viện trợ không hoàn lại.

Thường các dự án ODA loại này nhỏ, như các dự án của UNDP. Những năm đầu, các chuyên gia quốc tế là người viết dự án, vì cán bộ Việt Nam không đủ trình độ hay chưa có kinh nghiệm để viết. Dự án nào cũng có phần đóng góp của địa phương/Chính phủ, tính bằng tiền hay bằng các việc phải đóng góp. Chuyên gia quốc tế không bao giờ coi các đóng góp bằng tiền này của địa phương hay Chính phủ là quan trọng, vì thực tế không có tiền và nếu có đóng thì coi như phía đóng sẽ tự chi. Người quản lý nước ngoài không để ý đến nguồn tiền trong nước mà chỉ quan tâm đến khoản tiền từ tổ chức nước ngoài phải chi ra. Nói chung, viện trợ không hoàn lại này là nhằm giúp chuyên gia VN hiểu vấn đề, và làm thử nghiệm với lượng tiền là nhỏ.

## **1.2 ODA dưới tư cách vay vốn với lãi suất thấp và thời gian trả dài.**

ODA vay vốn có cả phần viện trợ không hoàn lại. Dự án ODA vay vốn lãi suất thấp và thời gian trả dài được sử dụng làm các công trình lớn, xây dựng hạ tầng cơ sở như giao thông vv... Phần đóng góp của địa phương bằng tiền là rất quan trọng, và phải tính cho thật chính xác nhằm thực hiện các việc cần làm, bao gồm: tiền đền bù cho hộ gia đình mất đất, tiền đóng góp vào thực hiện các phần của dự án. Để dự án thực hiện đúng tiến độ, thì phần tiền đóng góp của địa phương phải đầy đủ ngay từ đầu và phải nằm trong tài khoản ngân hàng. Câu hỏi là ngay từ ngày đầu thực hiện dự án thì tiền của phía cho vay và tiền địa phương đóng góp đã nằm trong ngân hàng chưa?

## **2. Những hạn chế trong sử dụng ODA**

Về tổng thể, bình quân mỗi năm nguồn tài trợ được cam kết qua nguồn ODA lên tới khoảng 2 tỷ đô-la bằng 6,2% GDP. Vì hầu như toàn bộ ODA đều được thanh toán bằng tiền nên đây là khoản thu đáng kể cho ngân sách quốc gia. Nhưng nếu thiếu kiểm tra, giám sát thì đây có thể là một trong những nơi thất thoát lớn. Không chỉ dân gian truyền tụng mà trên thực tế hầu hết quan chức nhà nước “sống bằng dự án”.

Những hạn chế lớn trong việc sử dụng ODA thời gian qua là:

### **2.1. Kém hiệu quả và lãng phí**

Do nấp dưới thể loại “viện trợ phát triển” (chứ không phải dự án kinh tế) nên hầu hết các dự án không có các mục tiêu cụ thể có thể đo lường được khi kết thúc dự án. Những dự án hàng triệu hoặc hàng chục triệu đô-la cũng chỉ báo cáo chung số lượng những hoạt động đã được thực hiện. Còn thực chất chúng được thực hiện như thế nào và người dân được hưởng lợi gì thì rất khó minh chứng cụ thể bằng định lượng.

### **2.2. Tham nhũng**

Người dân vẫn còn nhớ vụ bê bối của ông Huỳnh Ngọc Sỹ tham ô, nhận hối lộ trọng dự án PCI liên quan đến dự án Đại lộ Đông Tây và cải tạo môi trường nước TP.HCM làm Chính phủ Nhật Bản phải đình chỉ cấp vốn ODA cho Việt Nam một thời gian.

Kiểm toán tài chính của phía nhà tài trợ chỉ chủ yếu dành cho các dự án viện trợ không hoàn lại cho loại dự án hỗ trợ kỹ thuật. Còn các dự án cho vay ưu đãi thì phía VN chịu trách nhiệm là chính, do phải trả nợ. Mà tới 90% tiền ODA là từ

nguồn này, và chủ yếu dành cho các công trình xây cầu đường, hạ tầng cơ sở v.v.. là những dự án dễ thất thoát và tham nhũng nhất. Nhà nước lại thiếu tiền nên các địa phương/các bộ ngành phải chi đậm mới nhận được phần chia vốn vay này chứ đâu phải dễ mà có được. Theo quy định thì để được nhận vốn ODA, các cơ quan phải xếp hàng để xin được phân bổ chứ không phải tự nhiên mà có. Bên cạnh đó thì lại còn được “xà xẻo” thêm tiền đối ứng.

ODA là khoản tiền to, không nhỏ giọt như ngân sách. Tiền ứng trước lại phải nhiều nên người chạy không đủ để chi ngay một lúc, mà để càng lâu thì kinh phí càng đội lên: ngày lễ tết mỗi lần đi thăm hỏi thì phải tốn, lại không thể sơ sơ được. Vậy chẳng đổ lên đầu dự án thì ai chịu? Thế nên tăng vốn là chuyện “thường ngày ở huyện”! Chuyện “ăn dày, ăn đậm” thì chắc không oan sai: đã ăn nhiều, lại phải ăn trước khi có dự án. Bên quản lý VN rút kinh nghiệm rồi, không để sau được, vì để sau người hưởng lợi sẽ trốn “nghĩa vụ”, phải thu tô ngay từ đầu, nộp đủ mới là đủ năng lực.

Nhà thầu họ có giá của họ rồi. Còn nếu anh muốn ăn tiền thì anh phải cộng thêm hoa hồng vào giá, dẫn tới đội vốn, tăng vốn ODA. Không bao giờ có chuyện nhà thầu bỏ tiền túi ra để trả cho mấy ông tham nhũng cả.

Ngày xưa, người ta ăn kín đáo, khó nhận ra, còn sau này người ta ăn lộ liễu, ăn trơ trẽn, đến nỗi nhân viên các cấp toàn dự án đều kháo nhau về thuật ngữ mới: “mua vé”, tức là mỗi nhân viên phải đóng trước một khoản để được duyệt vào danh sách nhân viên của dự án để rồi sau đó phải tìm mọi cách để hoàn vốn.

Nếu phân tích sâu hơn, phải nhận thấy người ta không phải chỉ ăn lạm vào ODA mà ngay cả từ phần vốn đối ứng. Vốn đối ứng thì khác so với vốn ODA. Cả nhà tài trợ và tư vấn giám sát không có thẩm quyền giám sát vốn này, càng không biết vốn này được sử dụng ra sao. Các “nhà” này đều cho rằng nước chủ quản xài tiền của họ ra sao thì đó là chuyện của nước chủ quản, họ không muốn xen vào.

Bên tổ chức xin dự án cũng vậy, phải bỏ tiền ra chạy đã, mới có dự án. Tiền thực hiện cũng vậy, phải bỏ ra làm rồi thì quyết toán sau. (Đây là lý do đầu năm ngân sách bội thu nhưng cuối năm đột ngột chuyển sang bội chi lớn). Trên đường rải khắp lượt nên đến người thực làm chẳng còn bao nhiêu, nhưng đành phải làm vì còn hơn không có việc.

Giải phóng mặt bằng cũng là một cửa thất thoát. Việc này diễn ra chậm chạp vì việc thỏa thuận tỷ lệ ăn chia mất thời gian do phải thỏa thuận với nhiều hộ dân, khó có chuẩn thống nhất buộc các hộ phải theo. Không có chuyện dân chủ quá đáng đâu, chính quyền địa phương rất rấn tay, đâu có chịu để “Chí Phèo” ăn vạ. Một hay

vài hộ chưa chịu chuyển đi thì có khi vì chính cán bộ tiếp tay để đòi tiền chủ đầu tư. Khi đã có tỷ lệ ăn chia thì tiền đền bù càng lớn, các bên liên quan càng được ăn nhiều. Đây là vấn đề chung của dự án lấy “tiền chùa”: ngân sách hay ODA cũng vậy. ODA còn lâu hơn vì phải đáp ứng thủ tục của cả hai bên: mỗi cơ quan quản lý đều có quy định riêng mà người đi xin đền bù phải đáp ứng mới được giải ngân-cấp tiền.

Các thủ tục này lại không thống nhất, mỗi nhà tài trợ một kiểu về thời gian và giấy tờ đòi hỏi, chưa nói bên VN. Bộ KHĐT biết việc này lâu rồi, đề xuất hài hòa thủ tục nhưng không giải quyết được vì luật bên Tây còn nghiêm hơn ta, không thể bỏ qua được. Cơ quan thi hành chỉ biết thi hành, trình sửa chắc khó quá. Thế nên VN mới đề xuất hòa vào ngân sách: chỉ theo một thủ tục VN thôi. Nhưng không phải nhà tài trợ nào cũng đồng ý đưa vào ngân sách vì đây là cái thùng không đáy, khó kiểm soát tiền đi đâu về đâu. Ít có nhà tài trợ nào lại vô tư cho tiền tham nhũng, thế là chủ yếu lại tài trợ theo chương trình, dự án, hoặc thôi hẳn.

### **2.3. Thủ tục công kênh và sơ hở**

Hầu như các dự án ODA đều không chịu sự kiểm soát chặt chẽ về tài chính, vì đa số công việc kiểm toán cũng do cơ quan tài trợ chỉ đạo, ngay cả đối với cơ quan kiểm toán độc lập. Vì các cơ quan này do cơ quan tài trợ trả tiền thuê kiểm toán nên đã không dám thực sự tìm ra các lỗi lầm trong quản lý dự án. Đã có những trường hợp cơ quan kiểm toán phải sửa những bằng chứng sai phạm trong báo cáo kiểm toán do yêu cầu của nhà tài trợ.

Về việc chi trả tạm: hợp đồng cho phép chi trả tạm ở mỗi khâu khi hồ sơ chưa đầy đủ để nhà thầu có nguồn vốn xoay vòng mà thi công cho nhanh, còn VN vẫn muốn hồ sơ phải đầy đủ mỗi khi chi trả, tức là mục đích “tạm” không còn. Thực tế thường có ba trường hợp sau đây:

Thứ nhất, việc đền bù giải tỏa không đạt tiến độ, kéo theo thi công không đạt tiến độ, do đó giải ngân ODA chậm. Tại sao đại đa số dự án đền bù giải tỏa không đạt tiến độ là cả câu chuyện nhiều khê: có khi không có tiền thì đền bù làm sao được, có khi nhân viên ban đền bù giải tỏa lè mề, đụng phải những tranh chấp rắc rối thì sợ trách nhiệm nên cứ lo trình báo lên đơn vị trên, rồi đơn vị trên sợ trách nhiệm nên lại thêm lè mề, hoặc đang lo lấy ý kiến của các ban ngành. Các ban ngành lại sợ trách nhiệm nên dẫn đo mãi, v.v... Rồi còn do pháp quy về đền bù giải tỏa thấy nhiều quy định không rõ ràng, cho nên người thừa hành không dám quyết, cứ ngâm hồ sơ...

Điều trái khoáy là ở một mặt nào đó, có quy định về cưỡng chế, nhưng lại vì lần cán sao đó mà không áp dụng thủ tục cưỡng chế. Về mặt này, nước ngoài làm hay hơn: có tự do đấy, nhưng ai lạm dụng tự do thì bị xử lý ngay!

Thứ hai, giải ngân ODA chậm thường là do thủ tục nghiên cứu dự án, làm hồ sơ và phê duyệt quá nhiều khâu, rất mất thời giờ. Vấn đề này xảy ra xuyên suốt từ đầu và trong các công đoạn điều chỉnh thiết kế, điều chỉnh trượt giá khi thực hiện... Cho nên trong khi chờ phê duyệt thì vốn ODA cũng nằm chờ. Người ta vẫn có câu hỏi: *“Làm việc này thì mình có lợi gì?”*.

Một ví dụ về lần cán trong nội bộ là cả hai dự án metro ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh đều có vấn đề giữa trung ương và địa phương. Dự án Metro ở Hà Nội do Bộ GTVT làm chủ dự án, khởi công khi chưa được Hà Nội đồng ý về vị trí cầu bắc qua sông Hồng. Bộ GTVT làm chủ dự án là chưa phù hợp bởi vì xây metro xong thì ai quản lý: không lẽ Bộ GTVT lập doanh nghiệp thu tiền vé để hoàn trả tiền ODA?

Còn TP.HCM cho rằng mình có quyền duyệt dự toán bổ sung và thiết kế chỉnh sửa nên ký duyệt chứ không trình báo lên Trung ương. Chắc là Thành phố hiểu sai về thẩm quyền của mình, và cũng thiếu biết điều với TW. Thế là TW ách vốn đối ứng cho TP biết tay. Từ đó, vốn ODA cũng không được giải ngân. Chính Thủ tướng có lần đích thân vào TP.HCM để giải quyết vấn đề, sau đó mọi người thở phào nghĩ bây giờ sẽ có tiến triển. Nhưng các bộ ngành trình báo sao đó nên Thủ tướng lại chỉ thị các bộ “nghiên cứu” các phương án giải quyết để trình lên cho ông xem xét. Chuyện đó đã hơn 2 năm, thế mà cho đến tháng 9/2019 vẫn còn bàn về “nguồn vốn và khả năng cân đối vốn”?

Thứ ba là bất cập dùng ODA vay về cho vay lại nhưng chưa rõ tỷ lệ phân chia ai chịu bao nhiêu: TW và TP. HCM chịu bao nhiêu?. Dự án trước đây đã có quy định tỷ lệ này rồi, nhưng giờ dự án lại phình to lên mấy chục ngàn tỷ, gấp ba bốn lần ban đầu, lại thuộc phần TW chịu nên còn tranh luận ai trả phần tiền trời lên này.? Tức là câu chuyện vướng ở phân chia nghĩa vụ ngân sách trung ương và địa phương. Bộ Tài chính hay phê phán Bộ Kế hoạch & Đầu tư trong chuyện ODA nhưng trong dự án metro của TP HCM thì yếu kém trong quản lý là Bộ Tài chính không chặt chẽ với cơ chế cho vay lại. TP HCM thì “khôn lỏi”, còn Bộ Tài chính mà đồng ý trả như đã cam kết thì không còn tiền ngân sách cho dự án nào nữa. Bộ KHĐT thì giả vờ như “nai vàng ngơ ngác”: Ai trả cũng thế thôi vì cũng là từ ngân sách chung.!

#### **2.4. Cơ chế quản lý lỏng lẻo, bất hợp lý**

Toàn bộ nguồn vốn ODA được giao cho Bộ Kế hoạch & Đầu tư và Bộ Tài chính. Do năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước còn nhiều hạn chế, từ trước tới nay, tất cả các văn bản luật và dưới luật về ODA đều chủ yếu nhằm tập trung quyền lực chủ trì quy trình phê duyệt của hai Bộ này. Đây là hai “siêu Bộ” nắm quyền sinh sát toàn bộ nguồn vốn ODA. Họ phân chia miếng bánh trên cảm tính, ít có khả năng đánh giá được tiềm năng cũng như hiệu quả thực sự của các dự án.

Các Bộ/ngành chuyên môn chịu trách nhiệm về nội dung chuyên môn. Cơ chế này, nảy sinh ra một thực tế là: Các cơ quan điều phối thì chỉ nặng về thủ tục hành chính, xét duyệt. Còn các cơ quan chuyên môn là cơ quan có dự án nên chỉ mong chóng cho dự án được duyệt thì mới “sống” được. Vì vậy nên có quá nhiều những khiếm khuyết, thậm chí còn có những hoạt động bất lợi cho dân nhưng cũng vẫn cứ làm vì không có một sự thẩm định thực sự nghiêm túc về kỹ thuật. Chủ trương phân cấp được đưa ra trong khi lại không có cơ chế kiểm tra, giám sát rõ ràng nên càng gây nên lãng phí và thất thoát.

Các dự án thuộc các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tài trợ còn phức tạp và lỏng lẻo trong quản lý hơn nhiều so với các viện trợ chính thức vì: (i) Việc quản lý không thống nhất về một đầu mối và không qua một cơ quan chính thức của Chính phủ. PACCOP hiện là đầu mối nhưng cũng không phải là cơ quan hành chính của Nhà nước; (ii) Tính chất hoạt động của các NGO nước ngoài là rất phức tạp, tùy tiện nên rất khó quản lý, ngay cả ở nước sở tại của tổ chức đó. Về phía VN, các cơ quan đối tác của các tổ chức này hầu như không hiểu gì nhiều về các tổ chức NGO đang làm việc với mình. (iii) Rất nhiều dự án không có văn kiện dự án chính thức có ký kết. Việc thực hiện dự án và tài chính không được bất kỳ một cơ quan nào quản lý kiểm tra mà chỉ dựa vào báo cáo của chính các tổ chức đó và thường thì những báo cáo đó là không trung thực và không có những thông tin cần thiết.

Đúng là vấn đề ODA giống như cái nhọt bọ, ủ lâu ngày không được điều trị đúng cách đang có nguy cơ hoại tử. Riêng Nghị định về quản lý ODA mới có 6-7 năm phải thay đổi đến 2-3 lần mà vẫn cực kỳ bảo thủ, lạc hậu. Bây giờ, các Bộ được Chính phủ giao đang tiếp tục tiến hành sửa Nghị định nhưng nếu tư duy và nhất là cái tâm không thay đổi thì Chính phủ sẽ vẫn mắc vào “bẫy chính sách” do chính bộ phận tham mưu, giúp việc gây ra.

## **2.5. Đánh mất chủ quyền**

Một điều đáng buồn là hầu hết các văn kiện tài liệu dự án ODA đều do chuyên gia nước ngoài viết. Nếu có một ít đóng góp của phía Việt Nam thì hầu như chỉ dừng lại ở mức câu chữ là chủ yếu. Thực tế các ảnh hưởng của nước ngoài hầu hết sẽ thông qua kênh này vì nó có ảnh hưởng trực tiếp tới mọi đối tượng dân chúng ở

mọi cấp độ, kể cả vấn đề đường lối, chính sách xã hội và tâm lý của người dân. Dự án nào chúng ta cũng có một Ban quản lý dự án đầy đủ các ban bộ nhưng thực ra cán bộ quản lý các dự án này rất phụ thuộc vào sự điều hành của người nước ngoài do ăn lương của họ, được họ bảo trợ, và nhất là do trình độ kém.

Các cơ quan Nhà nước chưa thật sự hiểu và sử dụng các quyền và nghĩa vụ của phía VN cũng như của phía đối tác với VN nên đã để mất đi chủ quyền chính đáng của Nhà nước. Do vậy, phía nước ngoài cũng rất dễ lợi dụng sự thiếu tự chủ của ta để thao túng. Các cơ quan này cũng không ý thức được rằng, phần lớn công việc của các cơ quan nước ngoài tại VN là do các cán bộ người Việt Nam điều hành. Rất nhiều người trong số các cán bộ này là những người không thật sự có trình độ và đặc biệt là thiếu hiểu biết về cơ chế hoạt động cũng như các quy định và luật pháp của Việt Nam

## **2.6 Tâm lý ỷ lại, phụ thuộc viện trợ, phụ thuộc nước ngoài**

Nhìn chung, ODA thực ra là một chiếc cầu cho sự tranh giành ảnh hưởng của nước ngoài tại nước nhận viện trợ. Tùy theo phương thức và mức độ cấp vốn, cho vay vốn mà các nước viện trợ sử dụng ảnh hưởng đó cho các mục đích kinh tế xã hội trong thời điểm khác nhau. Có rất nhiều vấn đề chiến lược, ta đã để cho cơ quan nước ngoài điều hành hoặc phủ quyết, hoặc để cho cơ quan nước ngoài vi phạm các quy định của ta mà không có bất cứ một hình thức trừng phạt nào, mặc dù trong tất cả các văn bản hợp tác ký với nước ngoài, luôn luôn nhấn mạnh rằng cơ quan nước ngoài đóng trên đất Việt Nam phải tuân thủ luật pháp Việt Nam.

## **3. Giải pháp**

Nguyên lý điều hành quản lý Nhà nước là trách nhiệm, quyền hạn và quyền lợi. Nếu quyền hạn lớn hơn trách nhiệm dễ sinh ra tham nhũng, quan liêu. Nếu quyền lợi không gắn với trách nhiệm sẽ mất động lực. Cần phải đặt lại vấn đề xem xét nợ nhà nước trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội bền vững, xây dựng cơ chế đánh giá, kiểm tra, kiểm soát các dự án đầu tư phải thực sự có hiệu quả, và khả năng trả nợ cả trung hạn lẫn dài hạn. Không nói ra, ai cũng hiểu khi không có khả năng trả nợ, đó sẽ là “thảm họa” dân tộc thực sự!

Giải pháp đầu tiên là phải xác định cơ sở kinh tế của dự án dựa trên vốn vay. Nếu dự án là vốn vay thì ngay lập tức phải lên phương án chi trả. Nếu dự án hoàn toàn có tính công ích thì phải lên phương án chi ngân sách thêm hàng năm, chi trả hàng năm tiền vay nợ. Nếu dự án dựa vào doanh thu, thì phải tính tới phí sử dụng để chi trả tiền vay nợ.

Vốn thường gồm hai phần: phần vay nước ngoài và phần từ ngân sách hay vay trong nước. Trường hợp này, phải thay đổi cách nhìn về phần đóng góp của ngân sách trung ương hay địa phương là phần vay trong nước. Phải lên được bảng tính trách nhiệm trả nợ, trả nợ nước ngoài và trả lại ngân sách (có lẽ là tất nhiên). Vốn từ ngân sách là tiền vay ngân sách và phải lên thời biểu trả. Nếu không làm thế thì sẽ không bao giờ có thể thực hiện dự án hiệu quả được.

Cần thay đổi quản lý dự án bằng vốn đi vay. Về quản lý thì phải có cá nhân chịu trách nhiệm, dù thuộc bộ nào đó thì cũng phải bổ nhiệm tổng công trình sư (project manager), tổng giám sát công trình trong đó có kiểm soát trưởng tài chính, và kiểm sát trưởng kỹ thuật, kiểm sát tiến độ thực hiện. Phải có địa chỉ trách nhiệm, và những người được bổ nhiệm là những người am hiểu sâu về chuyên môn và trải nghiệm thực tế. Đó không thể là những quan chức hành chính không có chuyên môn và kinh nghiệm thực hiện. Phải nhớ rằng quản lý dự án là một khoa học.

Việc sử dụng vốn ODA được Bộ KH-ĐT quản lý theo kế hoạch trung hạn. Việc quản lý này chưa hợp lý ở chỗ: Nguồn vốn ODA được các nhà tài trợ bố trí sẵn cho các dự án, tuy nhiên, nguồn vốn này không được giải ngân theo tiến độ thực tế. Việc không giải ngân theo kịp tiến độ không chỉ kéo chậm dự án lại mà còn bị tính phí, lãi phát sinh.

Để việc giải ngân vốn ODA theo đúng nhu cầu dự án thì phải đáp ứng đủ nhu cầu vốn từng năm. Ví dụ dự án A năm 2019 đăng ký vốn ODA là 1.000 tỉ đồng thì phải bố trí đủ vốn cho cả năm nhằm đủ nguồn lực triển khai dự án. Còn việc các ban quản lý dự án thực hiện không hết nguồn vốn được cấp phát này thì phải chịu trách nhiệm.

Các ngành/địa phương dù đã được nhắc nhở đôn đốc nhiều lần vẫn trì trệ việc giải ngân, phải cương quyết cắt, chuyển sang cho các nơi khác thực hiện có hiệu quả hơn.

Dự án ODA nên giao nhiều quyền hành hơn cho tư vấn chấm thầu và chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật. Nếu tư vấn có năng lực và uy tín thì sẽ vì bảo vệ uy tín của mình mà làm việc công tâm. Cần xem xét kỹ, chọn tư vấn nước ngoài có uy tín và kinh nghiệm để chấm thầu, thì họ sẽ phát huy hiệu quả mà tư vấn trong nước chưa có đủ điều kiện thực hiện.

Chúng ta đã hội nhập, bước ra biển lớn, phải chấp nhận “luật chơi” của quốc tế. Cần phải rà soát lại cơ chế chính sách xuyên suốt từ trung ương đến địa phương, coi trọng cam kết với các nhà tài trợ. Sử dụng nguồn vốn ODA kể cả vốn đối ứng đều phải rõ ràng, công khai, minh bạch, chú trọng hiệu quả đầu tư. Tất cả các đối

tượng sử dụng nguồn ngân sách tức là tiền thuế của dân, không có “vùng cấm” phải được kiểm toán độc lập theo định kỳ.

#### 4. Lời kết

Vốn ODA là một bộ phận của ngân sách quốc gia, phải cho phép khu vực tư nhân được trực tiếp tham gia theo quy định của Việt Nam, và phù hợp với thông lệ quốc tế. Cần tách bạch nguồn vay và cho không trong quy định quản lý trên tinh thần khuyến khích huy động nguồn vốn cho không (Grant) và quản lý hiệu quả vốn vay (Loan). Tập trung vào hệ thống quản lý và kiểm soát kết quả và hiệu quả, bỏ tư duy quản lý theo thủ tục quy trình trên giấy. Văn bản nghị định cần viết theo cách khác chứ không như kiểu “văn tả cảnh” như hiện nay vì chòng chéo, mâu thuẫn, thiếu và thừa, cực khó hiểu.

Chốt lại thì có dùng ODA tiếp nữa không? Bộ Tài chính thì bác bỏ từ lâu rồi, nhất là khi không còn ưu đãi nữa. Nhưng thực ra ODA vẫn có điểm tích cực như học được của nước ngoài nhiều thứ về quản trị, đồng thời vay vốn ODA vẫn rẻ hơn vay ngân hàng thương mại. ODA đúng là lĩnh vực cho thấy cần đổi mới từ nhận thức đến quản trị vì nếu cứ như hiện nay thì tiền đổ “vào” nhiều mà “ra” chẳng bao nhiêu, sẽ ngập đầu nợ nần vì trả lãi.

“Không ai cho không ai cái gì cả”, giống như của biếu là của lo, của cho là của nợ!. Khi chúng ta dùng vốn ODA thì luôn phải ý thức được điều đó. Ngẫm suy câu nói của người đời : *”Ngày nào Việt Nam không còn cần sử dụng ODA nữa, coi như đó là ngày độc lập thứ hai của đất nước”* thật chí lý!